TOÀ ÁN NHÂN DÂN **QUẬN LONG BIÊN** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI** ---------- Bản án số: **529**/2020/HNGĐ-ST Ngày: 19/9/2020 *V/v: Tranh chấp ly hôn*	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** -------o0o-------

NHÂN DANH
NỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN LONG BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà ***Nguyễn Thị Phương Huyền***

Các Hội thẩm nhân dân: Ông ***Tạ Đức Minh;***

Bà ***Đặng Thị Nhác***

- Th ký ghi biên bản phiên toà: Ông ***Đặng Hoàng Phương*** *- Cán bộ Tòa án nhân dân quận Long Biên.*

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Long Biên tham gia phiên tòa:

Bà ***Nguyễn Thị Thanh Hương*** *- Kiểm sát viên.*

Ngày 19 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Toà án nhân dân quận Long Biên, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số **379**/2020/TLST-HNGĐ ngày 08/7/2020 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số **82**/2020/QĐXX-ST ngày 14/8/2020 và quyết định hoãn phiên toà ngày 31/8/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Bùi Thị M** - sinh năm 1983 *(Có đơn xin xét xử vắng mặt)*

Trú tại: Số 59 hẻm 52/11/76 phố GQ, phường TT, quận Long Biên, thành phố Hà Nội.

Bi đơn: Anh **Nguyễn Xuân T** - sinh năm 1975 *(Vắng mặt)*

Trú tại: Số 6 ngách 640/106 phố NVC, tổ 12, phường GT, quận Long Biên, thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Tại đơn xin ly hôn và các lời khai tại Toà án, Nguyên đơn là chị Bùi Thị M trình bày**: Chị và anh Nguyễn Xuân T xây dựng gia đình trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 10/11/2009 tại UBND phường GT, quận Long Biên, thành phố Hà Nội.

Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu do anh T không quan tâm và có trách nhiệm với cuộc sống gia đình, thường xuyên có những quan hệ không lành mạnh, phức tạp, thường xuyên đi qua đêm bỏ bê vợ con. Nhiều lần chị và gia

đình khuyên can, hòa giải nhưng anh T không thay đổi còn xúc phạm chị, vợ chồng xô xát và mâu thuẫn trầm trọng. Năm 2017, do không chịu đựng được chị và con chung đã chuyển ra ngoài thuê nhà ở tại phường TT, quận Long Biên, thành phố Hà Nội sinh sống. Anh chị chính thức ly thân nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, kiên quyết xin ly hôn với anh T.

- Về con: Anh chị có 01 con chung là **Nguyễn Hoàng S** – sinh ngày 26/7/2010 (Nam). Sau khi ly hôn, chị có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Hiện chị đang làm công nhân may tự do, thu nhập bình quân khoảng 8.000.000đ (*Tám triệu đồng*)/ tháng. Chị không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con cho chị.

- Về tài sản chung, công nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị chịu T bộ án phí hôn nhân và gia đình theo quy định.

***** Bị đơn là anh Nguyễn Xuân T mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến Tòa án làm việc nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa, Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt và có lời khai giữ nguyên yêu cầu khởi kiện như đã trình bầy. Bị đơn là anh Nguyễn Xuân T mặc dù đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt.

*** Đại diện viện kiểm sát tham gia phiên toà phát biểu quan điểm:**

- Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử tuân thủ theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc giải quyết vụ án. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật. Bị đơn không chấp hành đúng quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Chị M và anh T kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống anh chị đã phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng không tin tưởng và chia sẻ trách nhiệm với nhau trong cuộc sống gia đình. Gia đình hai bên đã khuyên can, động viên anh chị nhưng không có kết quả. Anh chị đã ly thân từ nhiều năm nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị M có đơn xin ly hôn, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị M và xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

- Về con: Anh chị có 01 con chung là **Nguyễn Hoàng S** – sinh ngày 26/7/2010 (Nam). Sau khi ly hôn, đề nghị Hội đồng xét xử giao chị M được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu S. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với anh T cho đến khi con chung thành niên hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung và công nợ chung: Chị M không yêu cầu Tòa giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu sau này phát sinh tranh chấp các đương sự có quyền khởi kiện vụ án khác theo quy định của pháp luật.

- Về án phí: Chị M phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

1- Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Bùi Thị M xin ly hôn anh Nguyễn Xuân T có hộ khẩu thường trú và đang sinh sống, ăn ở tại số 6 ngách 640/106 phố NVC, tổ 12, phường GT, quận Long Biên, thành phố Hà Nội. Do vậy, việc chị M khởi kiện là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân quận Long Biên, thành phố Hà Nội.

- Nguyên đơn là chị Bùi Thị M có đơn xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên lời khai, yêu cầu về việc ly hôn nên Toà án tiến hành xét xử vắng mặt là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Bị đơn là anh Nguyễn Xuân T trong quá trình giải quyết vụ án, đã được Toà án triệu tập nhiều lần nhưng đều vắng mặt. Ngày 31/8/2020, Toà án mở phiên toà lần thứ nhất để xét xử vụ án nhưng anh T vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên toà để xét xử vào ngày 19/9/2020. Tại phiên toà ngày 19/9/2020, anh T tiếp tục vắng mặt, xét thấy đây là lần thứ hai anh T vắng mặt tại phiên toà không có lý do mặc dù đã được Toà án tống đạt hợp lệ, nên Toà án tiến hành xét xử vắng mặt anh là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

2- Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị M và anh Nguyễn Xuân T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu và đăng ký kết hôn vào ngày 10/11/2009 tại UBND phường GT, quận Long Biên, thành phố Hà Nội.

Xác định đây là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hòa thuận đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu là do vợ chồng không có lòng tin với nhau, không biết quan tâm, cùng gánh vác, chia sẻ trách nhiệm cuộc sống với nhau. Gia đình hai bên đã nhiều lần động viên, hòa giải cho anh chị nhưng không có kết quả. Vợ chồng sống ly thân và chị M đã chuyển ra ngoài thuê nhà ở từ năm 2017. Quá trình giải quyết tại Tòa án, mặc dù anh T đã được Tòa án triệu tập nhiều lần đến để tham gia hòa giải nhưng anh kiên quyết không nhận giấy triệu tập, không hợp tác, không có quan điểm, bỏ mặc trước việc chị M ly hôn với anh. Điều này thể hiện rõ anh T không hề có thiện chí hòa giải để vợ chồng có cơ hội đoàn tụ.

Xét thấy cuộc sống chung giữa chị M và anh T không thể kéo dài, tình trạng vợ chồng sống ly thân nhau từ năm 2017, mục đích hôn nhân không đạt được, yêu cầu xin ly hôn của chị M đối với anh T là có căn cứ cần được chấp nhận và phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình cũng như phù hợp với đề xuất của Viện kiểm sát.

- Về con: Anh chị có 01 con chung là **Nguyễn Hoàng S** – sinh ngày 26/7/2010 (Nam), hiện đang sống cùng chị M. Chị M có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu S. Cháu S cũng có nguyện vọng được tiếp tục sống cùng mẹ. Mặt khác, do đặc thù công việc của nghề lái xe, anh T thường xuyên đi công tác vắng nhà nên ít có thời gian chăm sóc, dạy dỗ, giáo dục con cái nên cần thiết giao cháu S cho chị M được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, nhằm bảo đảm cuộc sống, sinh hoạt, học tập ổn định của cháu. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với anh T cho đến khi con chung thành niên hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung và công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp về tài sản chung và công nợ chung, các bên có quyền khởi kiện vụ án khác theo quy định của pháp luật.

- Về án phí: Chị M phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng chẵn*) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Từ những nhận định trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

- Căn cứ vào Nghị quyết số **326**/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của □y ban thờng vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Bùi Thị M đối với anh Nguyễn Xuân T.

Chị Bùi Thị M được ly hôn anh Nguyễn Xuân T.

Giấy chứng nhận kết hôn số 106, quyển số 01 ngày 10/11/2009 do UBND phường GT, quận Long Biên, thành phố Hà Nội cấp cho chị Bùi Thị M và anh Nguyễn Xuân T không còn giá trị pháp lý.

2. Về con: Xác định chị M và anh T có 01 con chung là **Nguyễn Hoàng S** – sinh ngày 26/7/2010 (Nam). Giao chị M được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với anh T cho đến khi con chung thành niên hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Anh T có quyền gặp gỡ và chăm sóc con chung, không ai được ngăn cản.

3. Về tài sản chung, công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết. Nếu sau này phát sinh tranh chấp về tài sản chung và công nợ chung các bên có quyền khởi kiện vụ án khác theo quy định của pháp luật.

4. Về án phí: Chị M phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng chẵn*) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Xác nhận chị M đã nộp số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng chẵn*) theo biên lai thu tạm ứng án phí số **0016434** ngày 08/7/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Long Biên, thành phố Hà Nội. Nay chuyển thành án phí.

Án xử công khai sơ thẩm.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ./.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Thị Phương Huyền

Nơi nhận:
- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND quận Long Biên;
- Chi cục THADS quận Long Biên;
- UBND phường GT
(Nơi ĐKKH);
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Hội thẩm nhân dân:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà